

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/DS-ST
Ngày: 25 / 7 / 2017
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truệ, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 96/2016/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2016 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L (T), sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 25, tổ 11, khóm Châu Q, phường Châu Phú L, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Số 132, đường LL, khóm Châu Q, phường Châu Phú L, thành phố C, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 01/6/2016, bà Nguyễn Thị Ngọc L (T) cho biết:

Ngày 15/7/2013 DL, bà có cho bà Nguyễn Thị Thanh H mượn số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; tiếp theo ngày 28/12/2014 DL bà cho bà Thanh H mượn số tiền 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 21.500.000 đồng, hai khoản mượn trên không có tính lãi. Bà nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H thanh toán số tiền vốn nhưng bà H không trả. Nay bà yêu cầu bà H trả cho bà mượn số tiền 20.000.000 đồng. Riêng khoản tiền 1.500.000 đồng bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

Bà L (T) cung cấp chứng cứ chứng minh:

Đĩa CD có ghi âm cuộc đối thoại giữa người đàn ông và bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L (T) là người làm công cho bà từ năm 2013, trong quá trình làm công cho bà, bà thấy bà L (T) không trung thực trong phụ tiếp bà mua bán, nên bà không tin tưởng bà L (T) nữa nên bà cho L (T) nghỉ làm từ đầu năm 2016 cho đến nay. Bà không có nợ tiền của bà L (T) nên yêu cầu kiện của bà L, bà không chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện thủ tục hòa giải giữa bà L (T) và bà H nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa:

Bà L (T) có yêu cầu bà H hoàn trả cho bà chi phí giám định là 7.661.000 đồng cùng với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Riêng số tiền 1.500.000 đồng bà xin rút yêu cầu kiện lại do không có chứng cứ chứng minh khoản tiền này.

Bà H cho biết bà không có nợ tiền của L nên bà không chấp nhận yêu cầu của bà L. Ngoài ra, bà có yêu cầu bà L cung cấp họ tên người đàn ông đã được bà L thu âm cho bà gặp mặt, vì bà không hề biết người đàn ông này thì làm gì bà nói vấn đề bà nợ tiền 20.000.000 đồng. Bà xác định đến thời gian này (ngày Tòa án mở phiên tòa) thì bà không hề nợ ai cũng không ai kiện bà đến Tòa án ngoài bà L (T).

Hội đồng xét xử:

Công bố kết luận giám định số 73/C54 (P6) ngày 06/6/2017 của Tổng cục Cảnh sát Viện khoa học hình sự;

Mở đĩa CD có nội dung ghi âm do bà L (T) cung cấp cho Tòa án;

Mở 03 đoạn ghi âm do Tòa án lấy mẫu đoạn ghi âm được đánh số thứ tự từ 01 đến 03 tương ứng 01 đoạn ghi âm mà bà L (T) yêu cầu giám định, riêng đoạn thứ 3 là đoạn đối thoại giữa Thẩm phán Nguyễn Thị Kiều Nga và bà

Nguyễn Thị Kim H.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ *Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền thụ lý và lập hồ sơ vụ án đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 2014 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán thu thập bằng việc ghi lời khai của đương sự, người làm chứng, đối chất thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách pháp lý của các đương sự: Xác định tư cách của nguyên đơn, bị đơn.

Về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng: Tòa án gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, tổng đạt cho các đương sự đầy đủ và đúng theo Điều 170, 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu tham gia phiên tòa đã tuân theo đúng tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm của vụ án.

+ *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Nguyên đơn, bị đơn: Thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến giải quyết vụ án:

Nguyên đơn cho rằng: Ngày 15/7/2013 bà L cho bà H vay số tiền 20.000.000 đồng, không tính lãi, không lập thành văn bản.

Quá trình thực hiện hợp đồng do bà H không trả nợ, lại nói xấu bà L nên bà L lên đặt máy ghi âm tại nhà của bà H có nội dung bà H nói chuyện với người đàn ông là: “ Bà H có mượn số tiền 20.000.000 đồng và thưa đến Tòa án, ngày 23 tây Tòa mời...”. Bà L khởi kiện yêu cầu bà H trả vốn 20.000.000 đồng, không tính lãi. Bà H thì không thừa nhận vay tiền của bà L.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 73 ngày 06/6/2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng Cục cảnh sát kết luận: “Tiếng nói của người phụ nữ trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thị Kim H trong mẫu so sánh là của cùng một người”. Tại phiên tòa bà H khai từ trước đây đến ngày xét xử bà H không có nợ tiền của ai và không có ai khởi kiện bà H tại Tòa án ngoài bà L khởi kiện bà H.

Ngoài lời khai nại, bà H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh để phản bác yêu cầu của bà L. Vì vậy, yêu cầu của bà L buộc bà H trả vốn vay 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở để chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà H trả vốn vay là 1.500.000 đồng (vay vào ngày 28/12/2014). Xét thấy việc rút yêu cầu là phù hợp, bà H không chấp nhận có nợ khoản vay này nên xem xét đình chỉ một phần đối với yêu cầu này.

Ý kiến của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L (T) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H trả tiền vay. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây gọi chung là Bộ luật Tố tụng dân sự); bị đơn cư trú tại phường Châu Phú L, thành phố C, tỉnh An Giang nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thẩm quyền được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện, bà L (T) trình bày: Bà cho bà H vay 20.000.000 đồng vào ngày 15/7/2013 DL và 1.500.000 đồng ngày vay là ngày 28/12/2014 DL. Hợp đồng vay không kỳ hạn, không lãi suất. Căn cứ Điều 4, Nghị quyết số 01/2016/NQ – HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, quy định về thời hiệu khởi kiện được áp dụng đến hết ngày 31/12/2016. Đến ngày 11/8/2016 bà gửi đơn kiện là không vi phạm thời hiệu khởi kiện tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Về khoản tiền mượn:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L (T) yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H trả số tiền vay 20.000.000 đồng cho bà. Bà H không thừa nhận khoản nợ mà bà L (T) kiện.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện mình bà L (T) cung cấp cho Tòa án 01 đĩa CD có ghi âm, đoạn ghi âm nội dung: “...bà Nguyễn Thị Kim H có nói với người đàn ông là bà (H) có mượn số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu)

đồng và thừa đến Tòa án ngày 23 tây Tòa mời và bà Nguyễn Thị Kim H còn nói bà xấu hổ nợ có 20.000.000 đồng mà thừa đến Tòa” bà L (T) xác định tiếng nói trong đĩa mà bà cung cấp cho Tòa án là tiếng nói của bà H. Do bà H không thừa nhận nên bà L (T) có yêu cầu giám định tiếng nói của bà H.

Căn cứ kết luận giám định số 73/C54 (P6) ngày 06/6/2017 của Tổng cục Cảnh sát Viện khoa học hình sự: “Tiếng nói của người phụ nữ trong mẫu cần giám và tiếng nói của Nguyễn Thị Kim H trong mẫu so sánh là của cùng một người”.

Xét, kết luận giám định là tiếng nói là bà H, về nội dung cuộc ghi âm giữa bà H và người đàn ông có xoay quanh số tiền nợ 20.000.000 đồng, không thể hiện nợ ai, nhưng đoạn ghi âm tiếng người phụ nữ có nói việc nợ 20.000.000 đồng ... Bà L còn cho biết do bà nhiều lần đến đòi tiền thì bà H thách thức đi thừa, nên bà đến trước cửa nhà của bà H đặt lên máy ghi âm, đoạn ghi âm thể hiện, có đoạn bà H nói với người đàn ông là ngày 23 tây Tòa mời lại trùng với việc Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay giữa bà L (T) và bà Hương; mặt khác tại phiên tòa thì bà H cũng xác định, bà không có nợ ai số tiền 20.000.000 đồng và cũng không có ai thừa bà đến Tòa án ngoài bà L (T). Từ đó, có cơ sở xác định, bà H có mượn của bà L (T) 20.000.000 đồng, nên bà L (T) khởi kiện là có cơ sở chấp nhận,. Từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia.

Đối với khoản tiền 1.500.000 đồng, bà Linh xin rút một phần yêu cầu kiện này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, đình chỉ yêu cầu kiện của bà L (T) đối với vốn vay 1.500.000 đồng.

[Về chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm]:

Về chi phí tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà L (T) nộp chi phí giám định 7.661.000 (Bảy triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng, tại phiên tòa bà L (T) có yêu cầu bà H hoàn trả lại cho bà khoản tiền trên. Kết quả giám định: Tiếng nói thể hiện đoạn ghi âm do bà L cung cấp là tiếng nói của bà H nên buộc bà Hương có trách nhiệm hoàn lại chi phí giám định mà bà L (T) đã tạm ứng nộp là: 7.661.000 (Bảy triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L (T) không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà L (T) 7.000.000 (Bảy triệu) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Pháp

lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc L (T) đối với khoản vốn vay 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L (T).

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm hoàn trả 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị Ngọc L (T).

Về chi phí giám định:

Bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L (T) 7.661.000 (Bảy triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim Hương phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L (T) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L (T) số tiền 537.5000 (năm trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0006931 ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố C.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP. C (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga

